

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số 71/TB-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025, của UBND xã Lợi Bắc)

STT	Theo bản đồ địa chính					Theo mảnh trích đo						Ghi chú
	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	Mảnh trích đo	Tờ bản đồ (cũ)	Tờ bản đồ	Thửa đất	Diện tích thu hồi (m2)	Mã hiệu thửa đất	
				6.324,0						6.324,0		
1	6	310	181	280,0	ONT	02-2019	6	310	374	404	ONT	
2	6	310	164	124,0	BHK							
3	6	310	164	319,0	BHK	02-2019	6	310	375	319,0	BHK	
4	6	310	241	279,0	DGT	02-2019	6	310	376	279,0	BHK	
5	LN 01	541	5	399,0	RSX	02-2019	LN 01	541	373	588	BHK	
6	LN 01	541	30	189,0	LUA							
7	LN 01	541	5	391,0	RSX	02-2019	LN 01	541	368	391,0	BHK	
8	6	310	180	173,0	BHK	02-2019	6	310	180	173,0	BHK	
9	6	310	179	294,0	BHK	02-2019	6	310	179	294,0	BHK	
10	6	310	178	394,0	BHK	02-2019	6	310	178	394,0	BHK	
11	6	310	177	279,0	LUC	02-2019	6	310	177	279,0	LUC	
12	6	310	176	189,0	LUC	02-2019	6	310	176	189,0	LUC	
13	6	310	175	303,0	LUC	02-2019	6	310	175	303,0	LUC	
14	6	310	205	165,0	LUC	02-2019	6	310	205	165,0	LUC	
15	6	310	207	163,0	LUC	02-2019	6	310	207	163,0	LUC	
16	6	310	206	224,0	LUC	02-2019	6	310	206	224,0	LUC	
17	6	310	218	634,0	LUC	02-2019	6	310	218	634,0	LUC	
18	6	310	219	488,0	LUC	02-2019	6	310	219	488,0	LUC	
19	6	310	220	731,0	LUC	02-2019	6	310	220	731,0	LUC	
20	6	310	222	306,0	LUC	02-2019	6	310	222	306,0	LUC	